

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20022025BDP

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty Cổ phần cảng Bình Dương gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ cung cấp tại cảng biển (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 20/02/2025.

Công ty Cổ phần cảng Bình Dương xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Lưu:

PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

(Ký tên, đóng dấu)

TRẦN SƠN HẢI

- Họ và tên người nộp văn bản:
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:
- Số điện thoại liên lạc:
- Email:
- Số fax:

GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN NHẬN
(Cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

CẢNG VỤ HÀNG HẢI ĐỒNG NAI	
ĐẾN SỐ :	340
Ngày :	20 tháng 02 năm 2025
Chuyển :	201.02/2025

Số: 20022025BDP

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 132 CHHVN-VTDVHH ngày 14 tháng 01 năm 2025 của
BGTVT CHHVN về việc kê khai giá dịch vụ tại cảng biển)

1. Mức giá kê khai:

BIỂU GIÁ SỬ DỤNG CẦU BẾN

1.1. Đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập nội địa

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)		Giá kê khai kỳ này	
				Giá chưa VAT	Giá có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá có VAT (8%)
1	Phương tiện neo buộc tại cầu, bến	Đồng/GT/giờ	Giá DVSD cầu, bến	14,00	15,12	14,00	15,12
2	Phương tiện cập mạn tàu khác tại cầu	Đồng/GT/giờ	Giá DVSD cầu, bến	7,00	7,56	7,00	7,56
3	Phương tiện nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	Đồng/GT/giờ	Giá DVSD cầu, bến	14,00	15,12	14,00	15,12



1.2. Đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập quốc tế

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)		Giá kê khai kỳ này	
				Giá chưa VAT	Giá có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá có VAT (8%)
1	Phương tiện neo buộc tại cầu, bến	USD/GT/giờ	Giá DVSD cầu, bến	0,0028	0,003024	0,0028	0,003024
2	Phương tiện cập mạn tàu khác tại cầu	USD/GT/giờ	Giá DVSD cầu, bến	0,0014	0,001512	0,0014	0,001512
3	Phương tiện nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	USD/GT/giờ	Giá DVSD cầu, bến	0,0054	0,005832	0,0054	0,005832

BẢNG GIÁ BUỘC CỞI DÂY ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN CẬP CẦU HOẶC CẬP MẠN

1.3. Đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập nội địa

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)		Giá kê khai kỳ này	
				Giá chưa VAT	Giá có VAT (8%)	Giá chưa VAT	Giá có VAT (8%)
1	Nhỏ hơn 500 GT	Đồng/Lần buộc hoặc còi	Giá DVBCD	210.000	226.800	210.000	226.800
2	Từ 500 GT đến 1.000 GT	Đồng/Lần buộc hoặc còi	Giá DVBCD	315.000	340.200	315.000	340.200
3	Từ 1.001 GT đến 4.000 GT	Đồng/Lần buộc hoặc còi	Giá DVBCD	630.00	680.400	630.00	680.400
4	Từ 4.001 GT đến 5.000 GT	Đồng/Lần buộc hoặc còi	Giá DVBCD	945.000	1.020.600	945.000	1.020.600



1.4. Đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập quốc tế

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)		Giá kê khai kỳ này	
				Giá chưa VAT	Giá có VAT	Giá chưa VAT	Giá có VAT (8%)

					(. .%)		
1	Nhỏ hơn 500 GT	USD/Lần buộc hoặc còi	Giá DVBCD	15	16,2	15	16,2
2	Từ 500 GT đến 1.000 GT	USD/Lần buộc hoặc còi	Giá DVBCD	20	21,6	20	21,6
3	Từ 1.001 GT đến 4.000 GT	USD/Lần buộc hoặc còi	Giá DVBCD	35	37,8	35	37,8
4	Từ 4.001 GT đến 5.000 GT	USD/Lần buộc hoặc còi	Giá DVBCD	45	48,6	45	48,6

PHÓ GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



TRẦN SƠN HẢI